

Số: 634/TTr-UBND

Lệ Thủy, ngày 19 tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị thông qua Nghị quyết phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới huyện Lệ Thủy

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 26/7/2022 của HĐND tỉnh Ban hành quy định Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Thông báo số 108/TB-UBND ngày 12/01/2024 của UBND huyện về Kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND huyện tại phiên họp ngày 11/01/2024 về triển khai thực hiện các chương trình MTQG năm 2024;

Căn cứ Công văn số 113/UBND-TCKH ngày 12/01/2024 của UBND huyện về việc phân bổ nguồn vốn ĐTPT thực hiện các chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 564/TB-UBND ngày 12/3/2024 của UBND huyện về nội dung phiên họp UBND huyện ngày 12/3/2024;

Căn cứ Kết luận tại Hội nghị Ban Thường vụ Huyện uỷ lần thứ 88;

UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua Nghị quyết phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới huyện Lệ Thủy với các nội dung sau:

I. NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

1. Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững

- Nguồn vốn thực hiện năm 2024: 6.000 triệu đồng.
- Đối tượng thụ hưởng: xã Ngư Thủy Bắc và xã Ngư Thủy

2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

- Nguồn vốn thực hiện năm 2024: 13.644 triệu đồng.
- Đối tượng thụ hưởng: 19 xã

II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Tại Điều 2 của các Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 và Quyết định 3792/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 quy định: “*Giao UBND các huyện:*

- Trình Hội đồng nhân dân huyện thông qua về phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án cho các đơn vị, địa phương trực thuộc, theo quy định của pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng và các văn bản hướng dẫn của chương trình.”

Vì vậy, thẩm quyền phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới huyện Lệ Thủy là Hội đồng nhân dân huyện.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Sau khi được UBND tỉnh giao kế hoạch vốn¹, UBND huyện đã ban hành Thông báo số 108/TB-UBND ngày 12/01/2024 của UBND huyện về Kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND huyện tại phiên họp ngày 11/01/2024 về triển khai thực hiện các chương trình MTQG năm 2024 và ban hành Công văn số 113/UBND-TCKH ngày 12/01/2024 của UBND huyện về việc phân bổ nguồn vốn ĐTPT thực hiện các chương trình MTQG xây dựng NTM, GNBV năm 2024; theo đó UBND huyện đã giao cho UBND các xã căn cứ các Nghị quyết của HĐND huyện² để tiến hành rà soát, đề xuất phương án phân bổ nguồn vốn ĐTPT thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới năm 2024 trên địa bàn (sau khi thống nhất với TT HĐND xã).

Trên cơ sở phương án đề xuất của các xã, UBND huyện chỉ đạo Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG huyện kiểm tra, rà soát các nội dung danh mục dự án đảm bảo cân đối nguồn lực được phân bổ và thực hiện các nguyên tắc phân bổ theo quy định.

UBND huyện đã có Tờ trình số 527/TTr-UBND ngày 08/3/2024 gửi Ban Thường vụ Huyện uỷ cho ý kiến phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn

¹ Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 26/12/2023; Quyết định 3792/QĐ-UBND ngày 26/12/2023

² Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 12/10/2022; Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 20/7/2023

mới huyện Lệ Thủy; Ban Thường vụ Huyện ủy đã thống nhất thông qua tại Hội nghị Ban Thường vụ Huyện ủy lần thứ 88.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI TIẾT

1. Chương trình MTQG GNBV giai đoạn 2024

** Về danh mục công trình*

- Nguồn vốn thực hiện năm 2024: 6.000 triệu đồng.
- Công trình sử dụng nguồn vốn năm 2024: 09 công trình (gồm 07 công trình đang triển khai chuyển tiếp sang năm 2024; 02 công trình khởi công mới năm 2024).

- Tổ chức thực hiện: UBND/BQL xã làm chủ đầu tư để tổ chức thực hiện

2. Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2024

- Tổng số nguồn vốn năm 2024: 13.644 triệu đồng
- Tổng số công trình sử dụng nguồn vốn năm 2024: 40 công trình (gồm 24 công trình đang triển khai chuyển tiếp sang năm 2024; 16 công trình khởi công mới năm 2024).

- Tổ chức thực hiện: UBND/BQL xã làm chủ đầu tư tổ chức thực hiện.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

V. NỘI DUNG DỰ THẢO CỦA NGHỊ QUYẾT:

Dự thảo Nghị quyết gồm 03 Điều, gồm:

Điều 1. Thông qua Nghị quyết phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới huyện Lệ Thủy.

Điều 2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Quy định hiệu lực của Nghị quyết.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

UBND huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua./.

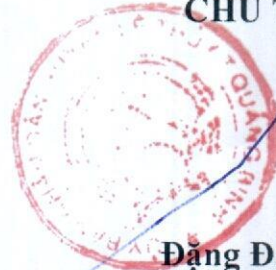
Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TV Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

lll

lll

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Đại Tĩnh

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /3/2024 của UBND huyện Lệ Thủy)

ĐVT: triệu đồng

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (trở) | Đã phân bổ năm 2022 (tại NQ số 72/NQ-HĐND ngày 12/10/2022) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ số 87/NQ-HĐND ngày 03/4/2023) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------|---------------------|--|--|---|-----------------------|----------------|--|
| | TỔNG CỘNG | | | | | | 6.000 | | |
| I | XÃ NGƯ THỦY BẮC | | | 9.400 | 4.500 | 1.900 | 3.000 | | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng đường từ công chào thôn Bắc Hòa xã Ngư Thủy Bắc đi xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy | xã Ngư Thủy Bắc | 2022-2024 | 8.635 | 4.000 | 1.900 | 2.735 | UBND xã/BQL xã | |
| 2 | Nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Bắc Hòa, xã Ngư Thủy Bắc (Giai đoạn 2 - 2022) | xã Ngư Thủy Bắc | 2022-2024 | 450 | 300 | | 150 | UBND xã/BQL xã | Lồng ghép 700trđ từ nguồn vốn CT MTQG NTM. Điều chỉnh thời gian thực hiện |
| 3 | Xây dựng đường trồng các thôn, xã Ngư Thủy Bắc | xã Ngư Thủy Bắc | 2022-2024 | 315 | 200 | | 115 | UBND xã/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù. Lồng ghép 685trđ từ nguồn vốn CT MTQG NTM. Điều chỉnh thời gian thực hiện |
| II | XÃ NGƯ THỦY | | | 6.100 | - | 3.000 | 3.000 | | |
| 1 | Đường từ nhà ông Khánh đến nhà ông Ngòi thôn Thượng Hải | xã Ngư Thủy | 2023-2024 | 900 | | 750 | 150 | UBND xã/BQL xã | |
| 2 | Nhà văn hóa thôn Nam Hải | xã Ngư Thủy | 2024-2025 | 1.500 | | | 1.400 | UBND xã/BQL xã | |
| 3 | Đường từ nhà bà Khả đến bãi biển thôn Thượng Nam | xã Ngư Thủy | 2023-2024 | 900 | | 750 | 150 | UBND xã/BQL xã | |
| 4 | Đường từ nhà ông Phát đến nhà bà Nhận thôn Thượng Hải | xã Ngư Thủy | 2023-2024 | 900 | | 700 | 200 | UBND xã/BQL xã | |
| 5 | Xây dựng nhà vệ sinh, sửa chữa nhà nội trú và các hạng mục xuống cấp trường TH&THCS số 2 Ngư Thủy | xã Ngư Thủy | 2023-2024 | 1.000 | | 800 | 200 | UBND xã/BQL xã | |
| 6 | Đường nội thôn Tân Thượng Hải | xã Ngư Thủy | 2024 | 900 | | | 900 | UBND xã/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |

PHỤ LỤC 02
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /3/2024 của UBND huyện Lệ Thủy)

ĐVT: triệu đồng

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 72 ngày 12/10/2022 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 92 ngày 20/7/2023 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung (sau bổ sung) (trđ) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ 87 ngày 03/4/2023) (trđ) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|------------|--|--------------------|---------------------|--|---|--|--|-----------------------|-------------|---------------------------------|
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | 13.644 | | |
| I | XÃ PHONG THỦY | | | 941 | - | 941 | 28 | 718 | | |
| 1 | Đường bê tông từ trạm bơm đi khu tái định cư, xã Phong Thủy | xã Phong Thủy | 2023-2025 | 941 | | 941 | 28 | 718 | UBND/BQL xã | |
| II | XÃ LỘC THỦY | | | 1.232 | - | 1.232 | 239 | 718 | | |
| 1 | Xây dựng khuôn viên, sân, trụ sở nhà văn hoá thôn-HTX An Xá, xã Lộc Thủy | xã Lộc Thủy | 2023-2024 | 450 | | 450 | 239 | 211 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 2 | Xây dựng hàng rào + cải tạo nhà văn hoá thôn Tuy Lộc, xã Lộc Thủy | xã Lộc Thủy | 2024-2025 | 280 | | 280 | | 107 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| 3 | Xây dựng kè + nạo vét Hới Chùa thôn Tuy Lộc, xã Lộc Thủy | xã Lộc Thủy | 2024-2025 | 502 | | 502 | | 400 | UBND/BQL xã | |
| III | XÃ AN THỦY | | | 1.682 | - | 1.682 | 689 | 718 | | |
| 1 | Giao thông đường trồng các thôn Lộc An, Thạch Bàn, Phú Thọ, Tân Lệ | xã An Thủy | 2023-2024 | 591 | | 591 | 344 | 247 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 2 | Giao thông đường trồng các thôn Lộc Hạ, Lộc Thượng | xã An Thủy | 2023-2024 | 591 | | 591 | 345 | 246 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 3 | Xây dựng trạm bơm HTX Lộc An, xã An Thủy | xã An Thủy | 2024-2025 | 500 | | 500 | | 225 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| IV | XÃ MỸ THỦY | | | 1.882 | - | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Kênh mương thôn Mỹ Hà, Mỹ Thủy | xã Mỹ Thủy | 2023-2024 | 941 | | 941 | 689 | 252 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| 2 | Kênh mương thôn Thuận Trạch, Mỹ Thủy | xã Mỹ Thủy | 2024-2025 | 941 | | 941 | | 466 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| V | XÃ MAI THỦY | | | 1.882 | - | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Nâng cấp sân thể thao xã Mai Thủy | xã Mai Thủy | 2023-2025 | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | UBND/BQL xã | |
| VI | XÃ LIÊN THỦY | | | 1.882 | 262 | 2.144 | 689 | 718 | | |

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 72 ngày 12/10/2022 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 92 ngày 20/7/2023 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung (sau bổ sung) (trđ) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ 87 ngày 03/4/2023) (trđ) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-------------|--|--------------------|---------------------|--|---|--|--|-----------------------|-------------|---|
| 1 | Sân, hàng rào nhà sinh hoạt cộng đồng 5,6 thôn Quy Hậu, xã Liên Thủy | xã Liên Thủy | 2023-2024 | 1.100 | | 1.100 | 689 | 411 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Hàng rào nhà sinh hoạt cộng đồng và phòng chống bão lũ thôn Xuân Hối, xã Liên Thủy | xã Liên Thủy | 2024 | 262 | | 262 | | 262 | UBND/BQL xã | |
| 3 | Sân, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Uẩn Áo, xã Liên Thủy | xã Liên Thủy | 2024-2025 | 782 | | 782 | | 45 | UBND/BQL xã | |
| VII | XÃ DƯƠNG THỦY | | | | | 1.112 | 269 | 718 | | |
| 1 | Bê tông đường trồng xã Dương Thủy | xã Dương Thủy | 2023-2024 | 450 | | 450 | 269 | 181 | UBND/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| 2 | Cống Bàu Nghé xã Dương Thủy | xã Dương Thủy | 2024 | 200 | 100 | 300 | | 300 | UBND/BQL xã | |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp Trạm Bơm Đồng Ngoài xã Dương Thủy | xã Dương Thủy | 2024-2025 | 200 | 162 | 362 | | 237 | UBND/BQL xã | |
| VIII | XÃ TÂN THỦY | | | | | 1.602 | 689 | 718 | | |
| 1 | Nâng cấp kênh ruộng sâu xã Tân Thủy | xã Tân Thủy | 2023-2024 | 801 | | 801 | 689 | 112 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn khu vực Tiên Phong, xã Tân Thủy | xã Tân Thủy | 2024-2025 | 801 | | 801 | | 606 | UBND/BQL xã | |
| IX | XÃ CAM THỦY | | | | | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Đê bờ vùng Quai Mọ đi vùng cát lấp HTX Mỹ Hòa, xã Cam Thủy | xã Cam Thủy | 2023-2025 | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | UBND/BQL xã | |
| X | XÃ XUÂN THỦY | | | | | 1.682 | 689 | 718 | | |
| 1 | Xây dựng cơ sở vật chất văn hóa trên địa bàn xã Xuân Thủy | xã Xuân Thủy | 2023-2024 | 1.020 | | 1.020 | 689 | 331 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 2 | Điện chiếu sáng các tuyến đường xã Xuân Thủy (giai đoạn 2) | xã Xuân Thủy | 2024 | 269 | | 269 | | 269 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 3 | Nâng cấp kênh mương xã Xuân Thủy | xã Xuân Thủy | 2024-2025 | 393 | | 393 | | 118 | UBND/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù (BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023) |
| XI | XÃ PHÚ THỦY | | | | | 1.482 | 689 | 718 | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp kênh mương tưới tiêu kết hợp thôn Phú Hoà xã Phú Thủy | xã Phú Thủy | 2023-2024 | 741 | | 741 | 689 | 52 | UBND/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (tại NO 72 ngày 12/10/2022) (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 92 ngày 20/7/2023 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2025 (sau bổ sung) (trđ) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ 87 ngày 03/4/2023) (trđ) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|--------------|--|--------------------|---------------------|--|---|---|--|-----------------------|-------------|---|
| 2 | Cải tạo kênh mương HTX Văn Xá, xã Phú Thủy | xã Phú Thủy | 2024-2025 | 741 | 741 | 741 | | 666 | UBND/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| XII | XÃ HỒNG THỦY | | | 1.882 | - | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Nhà văn hóa thôn Thạch Trung, xã Hồng Thủy | xã Hồng Thủy | 2023-2025 | 400 | | 400 | 400 | | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 92 ngày 20/7/2023; đc thời gian thực hiện |
| 2 | Cứng hóa các tuyến đê kết hợp trục chính giao thông nội đồng các thôn xã Hồng Thủy (giai đoạn 2) | xã Hồng Thủy | 2023-2025 | 1.482 | | 1.482 | 289 | 718 | UBND/BQL xã | |
| XIII | XÃ TRƯỜNG THỦY | | | 1.882 | - | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp Chợ Ba Canh xã Trường Thủy giai đoạn 2 | xã Trường Thủy | 2023-2025 | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | UBND/BQL xã | |
| XIV | XÃ SƠN THỦY | | | 1.602 | 262 | 1.864 | 689 | 718 | | |
| 1 | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng kết hợp đường xử lý rác thải thôn Hoàng Viễn, Lộc Xá, Trung Tín, xã Sơn Thủy | xã Sơn Thủy | 2023-2024 | 801 | | 801 | 689 | 112 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Nâng cấp nhà văn hóa và sân thể thao thôn Hoàng Viễn, xã Sơn Thủy | xã Sơn Thủy | 2024-2025 | 801 | 262 | 1.063 | | 606 | UBND/BQL xã | |
| XV | XÃ THANH THỦY | | | 1.882 | - | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Kênh mương nội đồng HTX Thanh Mỹ, xã Thanh Thủy | xã Thanh Thủy | 2023-2024 | 941 | | 941 | 689 | 252 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Kênh mương nội đồng HTX Thanh Tân, xã Thanh Thủy | xã Thanh Thủy | 2024-2025 | 941 | | 941 | | 466 | UBND/BQL xã | |
| XVI | XÃ SEN THỦY | | | 1.700 | - | 1.700 | 689 | 718 | | |
| 1 | Xây dựng đường GTNT các thôn trên địa bàn xã Sen Thủy | xã Sen Thủy | 2023-2025 | 1.700 | | 1.700 | 689 | 718 | UBND/BQL xã | |
| XVII | XÃ HOA THỦY | | | 1.882 | - | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Đường thôn Eo Rú, xã Hoa Thủy | xã Hoa Thủy | 2023-2024 | 941 | | 941 | 689 | 252 | UBND/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| 2 | Đường thôn Xuân Bắc 1, xã Hoa Thủy | xã Hoa Thủy | 2024-2025 | 941 | | 941 | | 466 | UBND/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| XVIII | XÃ HƯNG THỦY | | | 1.532 | 262 | 1.794 | 689 | 719 | | |

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (tại NQ 72 ngày 12/10/2022) (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 92 ngày 20/7/2023 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (sau bổ sung) (trđ) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ 87 ngày 03/4/2023) (trđ) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|------------|---|--------------------|---------------------|--|---|--|--|-----------------------|-------------|---------------------------------|
| 1 | Nhà văn hóa thôn Phú Thiết 2, xã Hưng Thủy | xã Hưng Thủy | 2023-2024 | 300 | 262 | 562 | 300 | 262 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Nâng cấp tuyến đường vào UBND xã Hưng Thủy | xã Hưng Thủy | 2023-2024 | 450 | | 450 | 389 | 61 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 3 | Đắp đập+ kè tràn đồng vịnh bầu thôn Nội Mai, xã Hưng Thủy | xã Hưng Thủy | 2024 | 350 | | 350 | | 350 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 4 | Xây dựng kênh mương đập bờ thôn Dấu Tranh, xã Hưng Thủy | xã Hưng Thủy | 2024-2025 | 432 | | 432 | | 46 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| XIX | XÃ THÁI THỦY | | | 822 | - | 822 | 89 | 719 | | |
| 1 | Đường giao thông thôn Thanh Sơn, xã Thái Thủy | xã Thái Thủy | 2023-2024 | 411 | | 411 | 89 | 322 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Đường giao thông thôn Bắc Thái, xã Thái Thủy | xã Thái Thủy | 2024-2025 | 411 | | 411 | | 397 | UBND/BQL xã | |

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN LỆ THỦY **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Lệ Thủy, ngày tháng năm 2024

(DỰ THẢO)

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới huyện Lệ Thủy

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 4/6/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thực hiện chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững;

Căn cứ Quyết định số 3792/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương và đối ứng ngân sách tỉnh năm 2024 thực hiện chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 12/10/2022 của HĐND huyện về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới huyện Lệ Thủy;

Căn cứ Nghị quyết số 87/NQ-HĐND ngày 03/4/2023 của HĐND huyện về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2023 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới huyện Lệ Thủy;

Căn cứ Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND huyện về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương (nguồn vốn bổ sung) giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới và Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Lệ Thủy;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày/...../2024 của Ủy ban nhân dân huyện về việc đề nghị Hội đồng nhân dân huyện thông qua Nghị quyết về việc phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới huyện Lệ Thủy; sau khi nghe Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội; ý kiến thảo luận của

các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ chi tiết danh mục công trình, dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương năm 2024 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Xây dựng nông thôn mới huyện Lệ Thủy như sau:

1. Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển phân bổ năm 2024:
 - Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 6.000 triệu đồng
 - Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: 13.644 triệu đồng
2. Phương án phân bổ chi tiết: Có phụ lục 01 và phụ lục 02 kèm theo

Điều 2. Hội đồng nhân dân huyện giao:

- Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
- Thường trực HĐND huyện, hai Ban của HĐND huyện, các Tổ đại biểu HĐND huyện, các đại biểu HĐND huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, UBND huyện phối hợp với Thường trực HĐND huyện để xem xét, giải quyết và báo cáo HĐND huyện tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Lệ Thủy khóa XXI, Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 19 tháng 3 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở NN&PTNT;
- Sở LĐ-TB&XH;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh bầu tại KV Lệ Thủy;
- Ban Thường vụ Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Hai ban HĐND huyện;
- Các Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị liên quan;
- TT HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Đăng Website UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.

(B/C)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Thị Thanh Thủy

PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2024 của HĐND huyện Lệ Thủy)

ĐVT: triệu đồng

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (trđ) | Đã phân bổ năm 2022 (tại NQ số 72/NQ-HĐND ngày 12/10/2022) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ số 87/NQ-HĐND ngày 03/4/2023) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-----------|---|--------------------|---------------------|--|--|---|-----------------------|----------------|--|
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | | |
| I | XÃ NGƯ THỦY BẮC | | | | | | | | |
| 1 | Nâng cấp, mở rộng đường từ công chào thôn Bắc Hòa xã Ngư Thủy Bắc đi xã Thanh Thủy, huyện Lệ Thủy | xã Ngư Thủy Bắc | 2022-2024 | 8.635 | 4.000 | 1.900 | 2.735 | UBND xã/BQL xã | |
| 2 | Nâng cấp các tuyến đường giao thông thôn Bắc Hòa, xã Ngư Thủy Bắc (Giai đoạn 2 - 2022) | xã Ngư Thủy Bắc | 2022-2024 | 450 | 300 | | 150 | UBND xã/BQL xã | Lồng ghép 700trđ từ nguồn vốn CT MTQG NTM. Điều chỉnh thời gian thực hiện |
| 3 | Xây dựng đường trồng các thôn, xã Ngư Thủy Bắc | xã Ngư Thủy Bắc | 2022-2024 | 315 | 200 | | 115 | UBND xã/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù. Lồng ghép 685trđ từ nguồn vốn CT MTQG NTM. Điều chỉnh thời gian thực hiện |
| II | XÃ NGƯ THỦY | | | | | | | | |
| 1 | Đường từ nhà ông Khánh đến nhà ông Ngòi thôn Thượng Hải | xã Ngư Thủy | 2023-2024 | 900 | - | 3.000 | 150 | UBND xã/BQL xã | |
| 2 | Nhà văn hóa thôn Nam Hải | xã Ngư Thủy | 2024-2025 | 1.500 | | | 1.400 | UBND xã/BQL xã | |
| 3 | Đường từ nhà bà Khả đến bãi biển thôn Thượng Nam | xã Ngư Thủy | 2023-2024 | 900 | | 750 | 150 | UBND xã/BQL xã | |
| 4 | Đường từ nhà ông Phát đến nhà bà Nhận thôn Thượng Hải | xã Ngư Thủy | 2023-2024 | 900 | | 700 | 200 | UBND xã/BQL xã | |
| 5 | Xây dựng nhà vệ sinh, sửa chữa nhà nội trú và các hạng mục xuống cấp trường TH&THCS số 2 Ngư Thủy | xã Ngư Thủy | 2023-2024 | 1.000 | | 800 | 200 | UBND xã/BQL xã | |
| 6 | Đường nội thôn Tân Thượng Hải | xã Ngư Thủy | 2024 | 900 | | | 900 | UBND xã/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |

PHỤ LỤC 02

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /3/2024 của HĐND huyện Lệ Thủy)

DVT: triệu đồng

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (tại NQ 72 ngày 12/10/2022) (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 92 ngày 20/7/2023 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2025 (sau bổ sung) (trđ) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ 87 ngày 03/4/2023) (trđ) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|------------|--|--------------------|---------------------|--|---|---|--|-----------------------|-------------|---------------------------------|
| | TỔNG CỘNG | | | | | | | 13.644 | | |
| I | XÃ PHONG THUÝ | | | 941 | - | 941 | 28 | 718 | | |
| 1 | Đường bê tông từ trạm bơm đi khu tái định cư, xã Phong Thủy | xã Phong Thủy | 2023-2025 | 941 | | 941 | 28 | 718 | UBND/BQL xã | |
| II | XÃ LỘC THUÝ | | | 1.232 | - | 1.232 | 239 | 718 | | |
| 1 | Xây dựng khuôn viên, sân, trụ sở nhà văn hoá thôn-HTX An Xã, xã Lộc Thủy | xã Lộc Thủy | 2023-2024 | 450 | | 450 | 239 | 211 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 2 | Xây dựng hàng rào + cải tạo nhà văn hoá thôn Tuy Lộc, xã Lộc Thủy | xã Lộc Thủy | 2024-2025 | 280 | | 280 | | 107 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| 3 | Xây dựng kè + nạo vét Hói Chùa thôn Tuy Lộc, xã Lộc Thủy | xã Lộc Thủy | 2024-2025 | 502 | | 502 | | 400 | UBND/BQL xã | |
| III | XÃ AN THUÝ | | | 1.682 | - | 1.682 | 689 | 718 | | |
| 1 | Giao thông đường trồng các thôn Lộc An, Thạch Bàn, Phú Thọ, Tân Lệ | xã An Thủy | 2023-2024 | 591 | | 591 | 344 | 247 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 2 | Giao thông đường trồng các thôn Lộc Hạ, Lộc Thượng | xã An Thủy | 2023-2024 | 591 | | 591 | 345 | 246 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 3 | Xây dựng trạm bơm HTX Lộc An, xã An Thủy | xã An Thủy | 2024-2025 | 500 | | 500 | | 225 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| IV | XÃ MỸ THUÝ | | | 1.882 | - | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Kênh mương thôn Mỹ Hà, Mỹ Thủy | xã Mỹ Thủy | 2023-2024 | 941 | | 941 | 689 | 252 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| 2 | Kênh mương thôn Thuận Trạch, Mỹ Thủy | xã Mỹ Thủy | 2024-2025 | 941 | | 941 | | 466 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| V | XÃ MAI THUÝ | | | 1.882 | - | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Nâng cấp sân thể thao xã Mai Thủy | xã Mai Thủy | 2023-2025 | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | UBND/BQL xã | |
| VI | XÃ LIÊN THUÝ | | | 1.882 | 262 | 2.144 | 689 | 718 | | |

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (tại NQ 72 ngày 12/10/2022) (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 92 ngày 20/7/2023 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2025 (sau bổ sung) (trđ) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ 87 ngày 03/4/2023) (trđ) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|-------------|--|--------------------|---------------------|--|---|---|--|-----------------------|-------------|---|
| 1 | Sân, hàng rào nhà sinh hoạt cộng đồng 5,6 thôn Quy Hậu, xã Liên Thủy | xã Liên Thủy | 2023-2024 | 1.100 | | 1.100 | 689 | 411 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Hàng rào nhà sinh hoạt cộng đồng và phòng chống bão lũ thôn Xuân Hội, xã Liên Thủy | xã Liên Thủy | 2024 | | 262 | 262 | | 262 | UBND/BQL xã | |
| 3 | Sân, nhà vệ sinh Nhà văn hóa thôn Uẩn Áo, xã Liên Thủy | xã Liên Thủy | 2024-2025 | 782 | | 782 | | 45 | UBND/BQL xã | |
| VII | XÃ DƯƠNG THỦY | | | 850 | 262 | 1.112 | 269 | 718 | | |
| 1 | Bê tông đường trồng xã Dương Thủy | xã Dương Thủy | 2023-2024 | 450 | | 450 | 269 | 181 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| 2 | Cống Bàu Nghệ xã Dương Thủy | xã Dương Thủy | 2024 | 200 | 100 | 300 | | 300 | UBND/BQL xã | |
| 3 | Cải tạo, nâng cấp Trạm Bơm Đồng Ngoài xã Dương Thủy | xã Dương Thủy | 2024-2025 | 200 | 162 | 362 | | 237 | UBND/BQL xã | |
| VIII | XÃ TÂN THỦY | | | 1.602 | - | 1.602 | 689 | 718 | | |
| 1 | Nâng cấp kênh ruộng sâu xã Tân Thủy | xã Tân Thủy | 2023-2024 | 801 | | 801 | 689 | 112 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nông thôn khu vực Tiên Phong, xã Tân Thủy | xã Tân Thủy | 2024-2025 | 801 | | 801 | | 606 | UBND/BQL xã | |
| IX | XÃ CAM THỦY | | | 1.882 | - | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Đê bờ vùng Qoai Mọ đi vùng cát lấp HTX Mỹ Hòa, xã Cam Thủy | xã Cam Thủy | 2023-2025 | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | UBND/BQL xã | |
| X | XÃ XUÂN THỦY | | | 1.682 | - | 1.682 | 689 | 718 | | |
| 1 | Xây dựng cơ sở vật chất văn hóa trên địa bàn xã Xuân Thủy | xã Xuân Thủy | 2023-2024 | 1.020 | | 1.020 | 689 | 331 | UBND/BQL xã | BS, DC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 2 | Điện chiếu sáng các tuyến đường xã Xuân Thủy (giai đoạn 2) | xã Xuân Thủy | 2024 | 269 | | 269 | | 269 | UBND/BQL xã | BS, DC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 3 | Nâng cấp kênh mương xã Xuân Thủy | xã Xuân Thủy | 2024-2025 | 393 | | 393 | | 118 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù (BS, DC tại NQ 87 ngày 03/4/2023) |
| XI | XÃ PHÚ THỦY | | | 1.482 | - | 1.482 | 689 | 718 | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp kênh mương tưới tiêu kết hợp thôn Phú Hoà xã Phú Thủy | xã Phú Thủy | 2023-2024 | 741 | | 741 | 689 | 52 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (tại NQ 72 ngày 12/10/2022) (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 92 ngày 20/7/2023 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (sau bổ sung) (trđ) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ 87 ngày 03/4/2023) (trđ) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|--------------|--|--------------------|---------------------|--|---|--|--|-----------------------|-------------|---|
| 2 | Cải tạo kênh mương HTX Văn Xá, xã Phú Thủy | xã Phú Thủy | 2024-2025 | 741 | - | 741 | | 666 | UBND/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| XII | XÃ HỒNG THỦY | | | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Nhà văn hóa thôn Thạch Trung, xã Hồng Thủy | xã Hồng Thủy | 2023-2025 | 400 | | 400 | 400 | | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 92 ngày 20/7/2023; dc thời gian thực hiện |
| 2 | Cứng hóa các tuyến đê kết hợp trục chính giao thông nội đồng các thôn xã Hồng Thủy (giai đoạn 2) | xã Hồng Thủy | 2023-2025 | 1.482 | | 1.482 | 289 | 718 | UBND/BQL xã | |
| XIII | XÃ TRƯỜNG THỦY | | | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp Chợ Ba Canh xã Trường Thủy giai đoạn 2 | xã Trường Thủy | 2023-2025 | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | UBND/BQL xã | |
| XIV | XÃ SƠN THỦY | | | 1.602 | 262 | 1.864 | 689 | 718 | | |
| 1 | Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội đồng kết hợp đường xử lý rác thải thôn Hoàng Viễn, Lộc Xá, Trung Tín, xã Sơn Thủy | xã Sơn Thủy | 2023-2024 | 801 | | 801 | 689 | 112 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Nâng cấp nhà văn hoá và sân thể thao thôn Hoàng Viễn, xã Sơn Thủy | xã Sơn Thủy | 2024-2025 | 801 | 262 | 1.063 | | 606 | UBND/BQL xã | |
| XV | XÃ THANH THỦY | | | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Kênh mương nội đồng HTX Thanh Mỹ, xã Thanh Thủy | xã Thanh Thủy | 2023-2024 | 941 | | 941 | 689 | 252 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Kênh mương nội đồng HTX Thanh Tân, xã Thanh Thủy | xã Thanh Thủy | 2024-2025 | 941 | | 941 | | 466 | UBND/BQL xã | |
| XVI | XÃ SEN THỦY | | | 1.700 | | 1.700 | 689 | 718 | | |
| 1 | Xây dựng đường GTNT các thôn trên địa bàn xã Sen Thủy | xã Sen Thủy | 2023-2025 | 1.700 | | 1.700 | 689 | 718 | UBND/BQL xã | |
| XVII | XÃ HOA THỦY | | | 1.882 | | 1.882 | 689 | 718 | | |
| 1 | Đường thôn Eo Rú, xã Hoa Thủy | xã Hoa Thủy | 2023-2024 | 941 | | 941 | 689 | 252 | UBND/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| 2 | Đường thôn Xuân Bắc 1, xã Hoa Thủy | xã Hoa Thủy | 2024-2025 | 941 | | 941 | | 466 | UBND/BQL xã | Thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| XVIII | XÃ HƯNG THỦY | | | 1.532 | 262 | 1.794 | 689 | 719 | | |

| TT | Đơn vị/Danh mục công trình | Địa điểm thực hiện | Thời gian thực hiện | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (tại NQ 72 ngày 12/10/2022) (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 bổ sung tại NQ 92 ngày 20/7/2023 (trđ) | Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 (sau bổ sung) (trđ) | Đã phân bổ năm 2023 (tại NQ 87 ngày 03/4/2023) (trđ) | Kế hoạch vốn năm 2024 | Chủ đầu tư | Ghi chú |
|------------|---|--------------------|---------------------|--|---|--|--|-----------------------|-------------|---------------------------------|
| 1 | Nhà văn hóa thôn Phù Thiết 2, xã Hưng Thủy | xã Hưng Thủy | 2023-2024 | 300 | 262 | 562 | 300 | 262 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Nâng cấp tuyến đường vào UBND xã Hưng Thủy | xã Hưng Thủy | 2023-2024 | 450 | | 450 | 389 | 61 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 3 | Đắp đập+ kè tràn đồng vịnh bầu thôn Nội Mai, xã Hưng Thủy | xã Hưng Thủy | 2024 | 350 | | 350 | | 350 | UBND/BQL xã | BS, ĐC tại NQ 87 ngày 03/4/2023 |
| 4 | Xây dựng kênh mương đập bờ thôn Đâu Tranh, xã Hưng Thủy | xã Hưng Thủy | 2024-2025 | 432 | | 432 | | 46 | UBND/BQL xã | thực hiện theo cơ chế đặc thù |
| XIX | XÃ THÁI THỦY | | | 822 | - | 822 | 89 | 719 | | |
| 1 | Đường giao thông thôn Thanh Sơn, xã Thái Thủy | xã Thái Thủy | 2023-2024 | 411 | | 411 | 89 | 322 | UBND/BQL xã | |
| 2 | Đường giao thông thôn Bắc Thái, xã Thái Thủy | xã Thái Thủy | 2024-2025 | 411 | | 411 | | 397 | UBND/BQL xã | |